

Số: 1207 /VTSPK-TCKT

V/v: Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019.

Tp. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế
Mã chứng khoán : GSP
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388 Fax: 028 222 05366
Người thực hiện CBTT: Ông Đỗ Đức Hùng.
Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388
Loại thông tin công bố: 24 giờ.

Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/12/2018 tại đường dẫn <http://gasshipping.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT,TCKT(1b)



Số: 60 /NQ-VTSPK-HĐQT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 1 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/04/2018;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc Công ty ban hành kèm theo QĐ số 06/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 27/3/2014 của HĐQT;
- Căn cứ Công văn số 1022/VTDK-KHĐT ngày 10/12/2018 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí chấp thuận Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Theo đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình 39/TTr-VTSPK ngày 20/12/2018 đề nghị phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;
- Căn cứ Biên bản số: 59 /BB-VTSPK-HĐQT ngày 26/12/2018 của HĐQT Công ty.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế như nội dung tại Phụ lục 01 đính kèm.
- Điều 2:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3:** Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao, đảm bảo tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế quản lý của Công ty./.

Nơi nhận: *VT*
-Như Điều 3;
-Ban kiểm soát;
-Lưu VT, HĐQT,(KP. 02)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tài Cường

Trang 1/3

VT

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-VTSPK-HĐQT ngày/..... /2018)

I. Nhiệm vụ năm 2019:

Khai thác hiệu quả và an toàn đội tàu LPG, trong đó Gas Shipping tiếp tục là đầu mối đảm bảo vai trò vận chuyển LPG cho Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (KDK) và GPP Cà Mau. Tiếp tục kết hợp với NVTrans giữ vững thị phần vận tải LPG nội địa và chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và tăng nguồn thu ngoại tệ.

Huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ để thực hiện công tác điều hành vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy GPP Cà Mau.

Phát triển mở rộng kinh doanh các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ.

Tăng cường nghiên cứu đánh giá thị trường mua bán tàu, thị trường vận tải trong nước, quốc tế, xây dựng kế hoạch khai thác phù hợp khi đơn vị triển khai đầu tư tàu theo kế hoạch đầu tư Tổng công ty phê duyệt, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả không thấp hơn FS được phê duyệt.

Về tái cấu trúc, xây dựng phương án tái cơ cấu giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Gas Shipping xuống tối thiểu 51% vốn điều lệ.

Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng, vật tư, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD. Đảm bảo duy trì giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế.

Tổ chức sửa chữa định kỳ các tàu theo qui định đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên hiện có để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không phát sinh công nợ khó đòi, không phát sinh những khoản nợ xấu.

Tuân thủ các qui định của Công ty niêm yết, chủ động nghiên cứu, đánh giá, triển khai xây dựng các phương án huy động vốn trên thị trường chứng khoán nhằm chủ động về nguồn vốn khi triển khai dự án đầu tư.

Tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng công ty phát động.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

5805
IG T
PHÀ
SẢN
QUỐC
P.HỒ

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019					Trong đó Doanh thu nội bộ
		Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I	Tổng doanh thu	1.200.190	292.261	287.850	303.747	316.333	54.583
1	Từ dịch vụ vận tải	591.842	140.553	136.141	151.281	163.867	54.583
1.1	Vận tải sản phẩm khí	540.405	127.448	123.037	139.158	150.762	54.583
1.2	Vận tải đường bộ	51.437	13.105	13.105	12.123	13.105	
2	Dịch vụ thương mại	601.869	150.089	150.089	150.846	150.846	-
3	Hoạt động tài chính	6.480	1.620	1.620	1.620	1.620	-
II	Tổng chi phí	1.135.125	277.615	275.445	287.888	294.177	
1	Giá vốn hàng bán	1.070.956	263.120	261.023	270.181	276.632	
1.1	Dịch vụ vận tải	469.882	113.230	111.133	119.534	125.986	
	- Vận tải tàu	419.923	100.500	98.403	107.763	113.256	
	- Vận tải đường bộ	49.959	12.730	12.730	11.771	12.730	
1.2	Dịch vụ thương mại	601.074	149.890	149.890	150.647	150.647	-
2	Chi phí tài chính	16.797	2.540	2.474	5.969	5.814	-
2.1	- Chi phí lãi vay	12.048	1.817	1.771	4.285	4.175	
2.2	- Chênh lệch tỷ giá	4.749	723	704	1.684	1.639	
3	Chi phí bán hàng	9.050	2.263	2.263	2.263	2.263	
4	Chi phí QLDN	38.322	9.693	9.685	9.476	9.469	
III	Lợi nhuận trước thuế	65.066	14.646	12.405	15.859	22.155	
IV	Lợi nhuận sau thuế	52.052	11.717	9.924	12.687	17.724	-
V	Nộp NSNN	32.591	7.014	6.418	8.643	10.516	



Handwritten signature or mark.